TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-8-2019.
"V/v Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2019, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 180 ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị H có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 309 ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Ngọc N cưới nhau năm 2018, đến ngày 30 tháng 3 năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị H và anh N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh N không chăm lo làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên ham chơi, cờ bạc gây nợ nần dẫn đến việc

vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N. Quá trình sống chung chị H và anh N không có con chung. Về chia tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Ngọc N không có ý kiến cũng như không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị H và anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Ngọc H xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh N có địa chỉ cư trú tại số 309 ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N đăng ký kết hôn vào 30 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị H và anh N đã không làm được điều đó, sau một thời gian ngắn chung sống, chị H và anh N đã bắt đầu xảy ra bất đồng về quan điểm sống, mỗi

người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình. Chị H cho rằng anh N không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, mà chỉ lo ham chơi, cờ bạc gây nợ nần. Mặc dù thời gian xa nhau chưa được nữa năm, nhưng không ai tới lui để quan tâm, thăm hỏi nhau.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh N. Và anh N cũng được thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị H trong vụ án này. Nhưng anh N không có phản hồi ý kiến và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, điều đó cho thấy anh N không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định trên cho thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Do chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018/0000347 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho anh N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã H;
(GCNKH số 18 ngày 30/3/2018)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Kiến